

THỰC TRẠNG HỌC LÂM SÀNG NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC YERSIN ĐÀ LẠT NĂM 2022

TÓM TẮT

Mục tiêu: mô tả thực trạng học lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng chính quy của trường Đại học Yersin Đà Lạt năm 2022.

Phương pháp nghiên cứu: mô tả cắt ngang trên 134 sinh viên đang thực tập tại các khoa lâm sàng.

Kết quả: cho thấy phương pháp học thông qua các buổi thực hiện quy trình kỹ thuật chiếm 81.3% và có 52,5% SV hứng thú với phương pháp học này. Tỷ lệ sinh viên đạt khá trở lên ở kỹ năng thực hiện thủ thuật thông thường đạt 98%, kỹ năng tự học lâm sàng đạt tỷ lệ khá trở lên thấp nhất với 72.9%.

Kết luận: Các phương pháp đánh giá được thể hiện đa dạng, nhiều hình thức và đa số SV không hài lòng với phương pháp đánh giá lâm sàng bằng câu hỏi lý thuyết mang tính nhớ lại. Bên cạnh đó, khối lượng công việc nhiều ở các khoa lâm sàng, sự thiếu hụt giảng viên cũng là yếu tố ảnh hưởng đến việc học lâm sàng.

Từ khóa: *Lọc lâm sàng, Điều dưỡng, sinh viên.*

AN ASSESMENT OF CLINICAL LEARNING IN NURSING STUDENTS AT YERSIN UNIVERSITY OF DA LAT 2022

ABSTRACT

Objective: describing the current situation of clinical learning of regular nursing students of Yersin University Da Lat 2022.

Method: The research used a cross-sectional descriptive on 134 students who are practicing in clinical departments.

Results: show that the learning method through technical process sessions accounts for 81.3% and 52.5% of students are interested in this learning method. The percentage of students achieving good or better in the skill of performing common procedures reached 98%, the clinical self-study skill achieved the lowest rate with 72.9%.

Conclusion: Evaluation methods are presented in a variety of ways and up to students nursing are

1. Trường Đại học Yersin Đà Lạt

*Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Hợp Tấn

Email: tan.dhyersin@gmail.com

Ngày nhận bài: 12/10/2023

Ngày phản biện: 23/10/2023

Ngày duyệt bài: 25/10/2023

Nguyễn Hợp Tấn^{1*}, Đinh Thị Hoài Thương¹

not satisfied with the clinical assessment method by recalling theoretical questions. In addition, the high workload in clinical departments and the shortage of lecturers are also factors affecting clinical teaching and learning.

Key words: *Clinical learning, Nursing, students*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ trước đến nay, Điều dưỡng là một mắt xích quan trọng trong hệ thống Y tế. Vì vậy việc đào tạo, giảng dạy cho Điều dưỡng nói riêng và khối ngành sức khỏe nói chung ngày càng được chú trọng và nâng cao. Việc học lý thuyết là quan trọng trong đào tạo khối Ngành sức khỏe, nhưng học thực hành lâm sàng là thời gian đặc biệt quan trọng, chỉ có học lâm sàng (HLS) tốt mới hình thành cho người học nhóm kỹ năng, thái độ và thực hành trên người bệnh – đây là nhóm năng lực đặc biệt quan trọng trong việc hành nghề của cán bộ y tế [1]. Đặc biệt là mô hình học lâm sàng lấy người học làm trung tâm đã dần được áp dụng ở các trường Đại học đào tạo khối ngành sức khỏe. Tuy nhiên, nó còn chiếm chỉ lệ thấp vì số lượng sinh viên (SV) đông nhưng số lượng giảng viên cơ hữu cũng như giảng viên kiêm nhiệm trên lâm sàng chưa đủ đáp ứng vì công việc chuyên môn quá nhiều nên thời gian giảng dạy trên lâm sàng hạn chế, việc áp dụng các phương pháp giảng dạy lâm sàng chưa được chú trọng. Bên cạnh đó, do công việc quá tải ở các khoa bệnh nên SV không có nhiều thời gian để học thêm kiến thức trên lâm sàng.

HLS là học cho người học khối ngành sức khỏe phương pháp tiếp cận và giải quyết các vấn đề của người bệnh (khám bệnh, tư vấn, điều trị, chăm sóc và phục hồi chức năng) tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh dựa trên các bằng chứng y học [2].

HLS là môi trường giáo dục, là cái khuôn để SV rèn luyện tài đức của bản thân. Trong chương trình đào tạo cán bộ khối Ngành sức khỏe HLS chiếm tỷ lệ lớn. Có 3 mục tiêu chung mà sinh viên cần đạt được khi thực tập lâm sàng (TTLS): thứ nhất, ứng dụng các học phần lý thuyết đã được học vào TTLS và chăm sóc sức khỏe cho người dân. Thứ 2: Học các kỹ năng, thái độ, quy cách ứng xử, để rèn luyện ý đức và định hình nhân cách người cán bộ y tế. Thứ ba: rèn luyện cách xử trí các tình huống trên lâm sàng, lên kế hoạch chăm sóc, nâng

cao tính tự học, tự nghiên cứu và trình độ của bản thân [3].

Các cơ sở như bệnh viện, trung tâm y tế, ... là địa điểm gắn liền với nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho bệnh nhân, đây cũng là nơi TTLS của sinh viên khối ngành sức khỏe. Và bên giường bệnh, trong phòng dụng cụ, phòng tiêm, phòng học không có bệnh nhân, ... là nơi HLS diễn ra. Để kết quả HLS đạt kết quả tốt nhất thì quá trình HLS đòi hỏi cả GV, SV chủ động, có tổ chức và có phương pháp. GV luôn bám sát SV đồng hành cùng SV, lập kế hoạch, đưa ra các mục tiêu cụ thể cho từng khoa lâm sàng, giao việc và quản lý HLS ở BV. Bên cạnh đó, SV phải tích cực, nỗ lực nhiều hơn trong việc áp dụng các phương pháp HLS theo nhóm và cá nhân. Chính vì vậy chúng tôi thực hiện nghiên cứu với mục tiêu mô tả thực trạng học lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng chính quy của trường Đại học Yersin Đà Lạt năm 2023

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- **Đối tượng nghiên cứu:** Sinh viên Ngành Điều dưỡng trường Đại học Yersin Đà Lạt đang đi thực tập lâm sàng tại bệnh viện, đồng ý tham gia nghiên cứu. Loại trừ sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ

Nghiên cứu về thực trạng học lâm sàng được thực hiện trên sinh viên Điều dưỡng đang thực tập ở các chuyên khoa chính (khoa Nội tiêu hóa - Hô hấp, Nội Tim mạch - thần kinh - Cơ xương khớp, Ngoại chấn thương chỉnh hình, Ngoại tổng quát, khoa Nhi, Khoa Truyền nhiễm, khoa Sản - phụ khoa) và sinh viên ngành Điều dưỡng đang thực tập ở các chuyên khoa lẻ (khoa Cấp cứu, Khoa ICU, khoa Mắt, khoa Tai - Mũi - Họng, khoa Răng - Hàm - Mặt, khoa Phục hồi chức năng).

3.1. Đặc điểm nhân khẩu học

Bảng 1. Đặc điểm về nhân khẩu học của đối tượng nghiên cứu

	Biến số	Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)
Tuổi	Trung bình +/- Độ lệch chuẩn	20,8 +/- 0.64 (20-23)	
Giới tính	Nam	13	9,7%
	Nữ	121	90,3%
Sinh viên năm thứ	Năm thứ 3	72	53,7%
	Năm thứ 4	62	46,3%
Quê quán	Miền núi, miền biển	30	22,4%
	Nông thôn đồng bằng	60	44,8%
	Thành phố/ thị xã/ thị trấn	44	32,8%

Nhận xét: Tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là từ 20 đến 23 tuổi, trong đó chủ yếu là SV nữ chiếm 90.3%. Tỷ lệ sinh viên năm thứ 3 và năm thứ 4 tham gia nghiên cứu tương đối đồng đều lần lượt là 53.7% và 46.3%. Tỷ lệ SV ở thành phố/thị xã/ thị trấn chiếm 32.8%.

- Thời gian và địa điểm nghiên cứu:

+ Thời gian: từ tháng 02 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022.

+ Địa điểm: Trường Đại học Yersin Đà Lạt và cơ sở thực tập.

- **Biến số nghiên cứu:** Đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng nghiên cứu; Mức độ sử dụng các phương pháp học lâm sàng; Mức độ hứng thú của sinh viên với phương pháp học lâm sàng; Mức độ sinh viên đạt các kỹ năng; Mức độ hứng thú của sinh viên về phương pháp đánh giá lâm sàng

- **Thiết kế nghiên cứu:** nghiên cứu mô tả cắt ngang.

- **Mẫu và phương pháp chọn mẫu:** chọn mẫu toàn bộ 2 lớp sinh viên K16 và K17. Lập danh sách theo lớp, chọn buổi thực tập lâm sàng và các buổi bình kế hoạch chăm sóc để phát phiếu phỏng vấn sinh viên bằng bộ câu hỏi thiết kế sẵn.

- **Phân tích số liệu:** số liệu thu về được làm sạch và nhập vào máy tính trên phần mềm SPSS 20.0. Các chỉ số về tỷ lệ và tần số được lấy mô tả cho kết quả.

- **Đạo đức nghiên cứu:** Việc thu thập số liệu phải được sự đồng ý của sinh viên, các thông tin cá nhân được bảo mật. Kết quả nghiên cứu được công bố cho sinh viên.

3.2 Mức độ sử dụng các phương pháp học lâm sàng.**Bảng 2. Mức độ sử dụng các phương pháp học lâm sàng**

Phương pháp học lâm sàng (n=134)	Hầu như không	Hiếm khi	Thi thoảng	Thường xuyên
Học tại phòng học không có bệnh nhân	20,9% (28)	16,4% (22)	59% (79)	3,7% (5)
Học bên giường bệnh		11,2% (15)	29,9% (40)	59% (79)
Học bên giường bệnh + thảo luận ở phòng học	3% (4)	6,7% (9)	67,2% (90)	23,1% (31)
Học qua các buổi đi nhận định		17,2% (23)	41% (55)	41,8% (56)
Học thông qua buổi giao ban	16,4% (22)	23,9% (32)	48,5% (65)	11,2% (15)
Học thông qua các buổi thực hiện quy trình kỹ thuật		3% (4)	15,7% (21)	81,3% (109)
Học thông qua các buổi trực tại BV		3% (4)	20,1% (27)	76,9% (103)
Học thông qua buổi bình quy trình chăm sóc		8,2% (11)	22,4% (30)	69,4% (93)
Học bằng tình huống lâm sàng giả định.	17,2% (23)	27,6% (37)	38,1% (51)	17,2% (23)
Học bằng bài tập tư duy.	9% (12)	42,5% (57)	38,8% (52)	9,7% (13)

Qua bảng 2, chúng ta thấy các phương pháp thường xuyên đang được áp dụng trên lâm sàng là học bên giường bệnh với 59%, học qua các buổi đi nhận định 41,8%, học thông qua các buổi thực hiện quy trình kỹ thuật chiếm tỷ lệ cao nhất với 81,3% và học thông qua các buổi trực đêm tại bệnh viện chiếm 76,9%, học thông qua các buổi bình quy trình chăm sóc trên giảng đường bệnh viện chiếm 69,4%.

3.3. Mức độ hứng thú của sinh viên với phương pháp học lâm sàng**Bảng 3. Mức độ hứng thú của sinh viên với phương pháp học lâm sàng**

Phương pháp học lâm sàng (n=134)	Mức độ		
	Không Hứng thú	Hứng thú	Rất Hứng thú
Học tại phòng học không có bệnh nhân	44,8% (60)	55,2% (74)	
Học bên giường bệnh	3,7% (5)	64,2% (86)	32,1% (43)
Học bên giường bệnh + thảo luận ở phòng học		81,3% (109)	18,7% (25)
Học qua các buổi đi nhận định		94% (126)	6% (8)
Học thông qua buổi giao ban	26,1% (35)	73,9% (99)	
Học thông qua các buổi thực hiện quy trình kỹ thuật		47,8% (64)	52,2% (70)
Học thông qua các buổi trực tại BV	5,2% (7)	64,9% (87)	29,9% (40)

Phương pháp học lâm sàng (n=134)	Mức độ		
	Không Hứng thú	Hứng thú	Rất Hứng thú
Học thông qua các buổi bình quy trình chăm sóc		68,7% (92)	31,3% (42)
Học bằng đóng vai	35,8% (48)	55,2% (74)	9% (12)
Học dựa trên vấn đề	17,2% (23)	60,4% (81)	22,4% (30)
Học theo nghiên cứu từng ca	14,2% (19)	67,9% (91)	17,9% (24)
Học bằng mô hình Micoskills	16,4% (22)	70,1% (94)	13,4% (18)

Qua kết quả ở bảng 3, hầu hết sinh viên đều hứng thú với các phương pháp học lâm sàng, trong đó: sinh viên rất hứng thú với việc học thông qua các buổi thực hiện quy trình kỹ thuật chiếm tỉ lệ cao nhất với 52,2%. Bên cạnh đó, tỷ lệ sinh viên không hứng thú khi học tại phòng học chiếm tỷ lệ cao với 44,8%, sinh viên không hứng thú với phương pháp học bằng phương pháp đóng vai chiếm 35,8%.

3.4. Mức độ sinh viên đạt các kỹ năng.

Bảng 4. Mức độ sinh viên đạt các kỹ năng

Các kỹ năng lâm sàng (n=134)	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
Giao tiếp với bệnh nhân		3,7%	44%	52,2%
Nhận định bệnh nhân		11,2%	35,8%	53%
Chẩn đoán Điều dưỡng		7,5%	67,9%	24,6%
Lập kế hoạch chăm sóc		3,7%	63,4%	32,8%
Vận dụng lí thuyết vào thực tiễn	3,7%	11,9%	44,8%	39,6%
Giải quyết vấn đề, ra quyết định		49,7%	35,4%	14,9%
Làm việc theo nhóm		9,7%	22,4%	67,9%
Tự học lâm sàng		23,1%	39,6%	37,3%
Học dựa trên bằng chứng		9,7%	55,2%	35,1%
Thực hiện thủ thuật thông thường		6,0%	41,8%	52,2%
Tư vấn, giáo dục sức khỏe		3,7%	43,3%	53%

Theo bảng 4, ta thấy: hầu hết các SV đạt mức độ các kỹ năng từ trung bình trở lên. Trong đó, các kỹ năng như: kỹ năng làm việc nhóm đạt tốt chiếm 67,9%, kỹ năng thực hiện các thủ thuật thông thường đạt tốt chiếm 58,2%, kỹ năng nhận định bệnh nhân cũng như kỹ năng tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân đạt tốt chiếm 53%...

Bên cạnh áp dụng các phương pháp HLS thì các phương pháp đánh giá kết quả của quá trình TTLS của SV là vấn đề được chú trọng thay đổi để phù hợp với thực tế trên lâm sàng. Chất lượng học lâm sàng được đảm bảo thông qua các đánh giá thường xuyên của GV trên các khoa lâm sàng và mỗi khoa sẽ có các cách đánh giá phù hợp với thực tế tại khoa. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy các giảng viên sử dụng đồng đều các hình thức đánh giá sinh viên đặc biệt phương pháp đánh giá kỹ năng thủ thuật trên bệnh nhân thật mức độ sử dụng thường xuyên chiếm 61,2%, đánh giá kỹ năng giao tiếp sử dụng ở mức độ thường xuyên đạt 61,9%, mức độ sử dụng thường xuyên của phương pháp đánh giá sinh viên kỹ năng nhận định đạt 63,4%. Bên cạnh đó, phương pháp đánh giá tư duy lâm sàng bằng bài tập tư duy ít được sử dụng chỉ chiếm 22,4%.

3.5. Mức độ hứng thú của sinh viên về phương pháp đánh giá lâm sàng

Bảng 5. Mức độ hứng thú của sinh viên về phương pháp đánh giá lâm sàng

Phương pháp lượng giá, đánh giá lâm sàng (n=134)	Mức độ hứng thú		
	Không Hứng thú	Có hứng thú	Rất hứng thú
Đánh giá kỹ năng thực hiện các quy trình kỹ thuật thuật trên bệnh nhân thật		62,7%	37,3%
Vấn đáp + nhận định	12,7%	73,9%	13,4%
Đánh giá liên tục trong quá trình học bằng cách sử dụng sổ ghi lâm sàng	11,9%	58,2%	29,9%
Đánh giá kĩ năng giao tiếp, thái độ	3,7%	55,3%	41%
Đánh giá kĩ năng nhận định		59%	41%
Đánh giá tư duy lâm sàng bằng bài tập tư duy	13,4%	71,6%	14,9%
Đánh giá lâm sàng bằng các câu hỏi lý thuyết có tính nhớ lại.	75,4%	14,9%	9,7%

Kết quả ở bảng trên cho thấy, hầu hết các SV đều hứng thú với phương pháp đánh giá lâm sàng hiện tại đang được áp dụng. Tuy nhiên, có tới 75,4% SV không hứng thú với phương pháp đánh giá lâm sàng bằng các câu hỏi lý thuyết có tính nhớ lại. Điều này, tương đối phù hợp vì SV khi đi thực tập luôn muốn được học hỏi những kiến thức mới trên lâm sàng, cũng như thực hiện các quy trình kỹ thuật trên bệnh nhân, đồng nghĩa với các SV muốn được đánh giá bằng các phương pháp mới không như các học phần lý thuyết thuần túy.

Qua khảo sát mức độ đồng ý của SV về hoạt động HLS ở các khoa, kết quả cho thấy khoảng 70% SV đồng ý với việc GV có quan điểm cởi mở và tôn trọng SV, GV luôn khuyến khích SV phản hồi khi học, SV được hướng dẫn TTLS dưới nhiều hình thức khác nhau. Tuy nhiên, chỉ có khoảng 45% SV đồng ý với việc không phải học chồng chéo các môn khi đi thực tập lâm sàng. Điều này tương đối hợp lý, khi hầu hết các SV K17 ngành Điều dưỡng (hiện đang thực tập ở các chuyên khoa chính) vừa thực tập lâm sàng các buổi sáng hàng tuần, vừa phải học lý thuyết của các môn chuyên khoa vào cuối tuần nên việc chồng chéo không thể tránh khỏi. Ngoài ra, chỉ có khoảng 40% SV đồng ý với việc GV luôn giám sát đánh giá tốt hoạt động học lâm sàng của SV tại bệnh viện và GV quan tâm giáo dục tư cách, đạo đức, thái độ của SV trên lâm sàng.

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu thực hiện trên sinh viên đang theo học ngành điều dưỡng tại trường Đại học Yersin Đà Lạt.

Các phương pháp thường xuyên đang được áp dụng trên lâm sàng là học bên giường bệnh với 59%, học qua các buổi đi nhận định 418%, học thông qua các buổi thực hiện quy trình kỹ thuật chiếm tỷ lệ cao nhất với 81,3% và học thông qua các buổi trực đêm tại bệnh viện chiếm 76,9%, học thông qua các buổi bình quy trình chăm sóc trên giảng đường bệnh viện chiếm 69,4%. Điều này tương đối phù hợp với nghiên cứu của Phạm Thị

Hạnh khi phương pháp học qua buổi giao ban ở mức độ sử dụng thường xuyên chiếm tỉ lệ cao nhất là 72,2%. Tiếp đến là phương pháp học bên giường bệnh + thảo luận ở giảng đường 54,3%, học bên giường bệnh 45,0%, học tại giảng đường không có bệnh nhân 38,9% [4]. Và khác với phần lớn 83.9% SV của trường Đại học Y khoa Vinh khi họ cho rằng hình thức học tập đi buồng bệnh chiếm đa số [5].

Đồng thời, kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp kết quả nghiên cứu trên 143 cán bộ giảng dạy và 1360 sinh viên của trường Đại học

Y Hà Nội khi số sinh viên được học lâm sàng với phương pháp truyền thống (học qua các buổi giao ban, học qua các buổi đi buồng điểm bệnh, trình bày bệnh án lâm sàng sau đó thầy giảng) chiếm (76,8%), phương pháp tích cực là 17% và thấp nhất là phương pháp truyền thống kết hợp tích cực với 8,6% [6]. Điều này tương đối hợp lý vì chương trình đào tạo cũng như mục tiêu của 2 ngành Điều dưỡng và Y đa khoa tương đối khác nhau, chính vì thế các phương pháp học trên lâm sàng cũng được áp dụng không giống nhau.

Hầu hết sinh viên đều hứng thú với các phương pháp học lâm sàng, trong đó: sinh viên rất hứng thú với việc học thông qua các buổi thực hiện quy trình kỹ thuật chiếm tỉ lệ cao nhất với 52,2%. Bên cạnh đó, tỷ lệ sinh viên không hứng thú khi học tại phòng học chiếm tỷ lệ cao với 44,8%, sinh viên không hứng thú với phương pháp học bằng phương pháp đóng vai chiếm 35,8%. Kết quả của chúng tôi tương tự với nghiên cứu trên sinh viên Y đa khoa Hải Phòng [4] khi phần lớn sinh viên đều có hứng thú và rất hứng thú với các phương pháp dạy và học lâm sàng từ 80% đến 98%. Kết quả cũng tương đồng với nghiên cứu của Ngô Trí Hiệp ở đại học Y khoa Vinh cho thấy sinh viên không hứng thú với phương pháp học tại giảng đường không có bệnh nhân chiếm tới 66,5% [5]. Đồng thời, kết quả nghiên cứu của Heidi và cộng sự ở Đại học Y Wayne State, Michigan, Hoa Kỳ [7] cũng cho thấy chỉ có 36,1% sinh viên thích một cách học trong khi có tới 63,8% thích học lâm sàng bởi nhiều hình thức đa dạng. Điều này dễ hiểu vì HLS không phải dạy-học về bệnh tật mà dạy-học ở những bệnh nhân cụ thể.

SV đạt mức độ các kỹ năng từ trung bình trở lên. Trong đó, các kỹ năng như: kỹ năng làm việc nhóm đạt tốt chiếm 67,9%, kỹ năng thực hiện các thủ thuật thông thường đạt tốt chiếm 58,2%, kỹ năng nhận định bệnh nhân cũng như kỹ năng tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân đạt tốt chiếm 53%... Kết quả chúng tôi cao hơn nghiên cứu của Phạm Thị Hạnh khi tỉ lệ SV đạt kĩ năng giao tiếp, hỏi bệnh ở mức độ khá 27,6%, tốt là 6,4% [4]. Và cao hơn so với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Anh Thư [8] khi kỹ năng này đạt được từ 35,9% đến 56,6% và tương đối gần với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Quỳnh Nga

[9] khi trên 75% sinh viên đạt khá trở lên kỹ năng thực hiện các thao tác, thủ thuật thông thường trong xử lý các tình huống, kỹ năng ra quyết định là kém nhất khi số lượng sinh viên đạt khá trở lên chỉ xấp xỉ 50% còn nghiên cứu của chúng tôi là 50,3%. Điều này có thể lí giải do đối tượng sinh viên khác nhau, chương trình đào tạo khác nhau nên các kỹ năng trên lâm sàng của mỗi SV áp dụng vào thực tế cũng khác nhau.

Bên cạnh áp dụng các phương pháp HLS thì các phương pháp đánh giá kết quả của quá trình TTLS của SV là vấn đề được chú trọng thay đổi để phù hợp với thực tế trên lâm sàng. Chất lượng học lâm sàng được đảm bảo thông qua các đánh giá thường xuyên của GV trên các khoa lâm sàng và mỗi khoa sẽ có các cách đánh giá phù hợp với thực tế tại khoa. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy các giảng viên sử dụng đồng đều các hình thức đánh giá sinh viên đặc biệt phương pháp đánh giá kỹ năng thủ thuật trên bệnh nhân thật mức độ sử dụng thường xuyên chiếm 61,2%, đánh giá kỹ năng giao tiếp sử dụng ở mức độ thường xuyên đạt 61,9%, mức độ sử dụng thường xuyên của phương pháp đánh giá sinh viên kỹ năng nhận định đạt 63,4%. Bên cạnh đó, phương pháp đánh giá tư duy lâm sàng bằng bài tập tư duy ít được sử dụng chỉ chiếm 22,4%. Nghiên cứu tương đối khác với nghiên cứu trên SV Y dược Hải Phòng khi phương pháp đánh giá lâm sàng bằng trình bày bệnh án và hỏi thi vấn đáp mức độ sử dụng thường xuyên có tỉ lệ cao nhất từ 69,5% đến 87,6%. Các hình thức khác như chấm chỉ tiêu lâm sàng, đánh giá kỹ năng thăm khám, đánh giá lâm sàng bằng các câu hỏi lý thuyết có tính nhớ lại thuần túy chiếm tỉ lệ 36,4% đến 57,9%. Các phương pháp đánh giá như: bằng bài tập tư duy, đánh giá kỹ năng giao tiếp, thái độ (có bảng kiểm), ít được áp dụng [4].

V. KẾT LUẬN

Thực trạng HLS của SV ngành Điều dưỡng trường Đại học Yersin Đà Lạt qua việc thu thập và phân tích số liệu, cho thấy: SV đã được áp dụng kết hợp các phương pháp HLS, phương pháp được sử dụng nhiều nhất là phương pháp học thông qua các buổi thực hiện kỹ thuật chiếm 81,3%, phương pháp ít sử dụng nhất là phương pháp học bằng bài tập tư duy với 51,5%. SV hầu

hết đều hứng thú với các phương pháp HLS, với 52,5% SV hứng thú với việc học thông qua các buổi thực hiện kỹ thuật, bên cạnh đó có 44,8% sinh viên không hứng thú với việc học tại phòng học không có bệnh nhân. Hầu hết các SV đều đạt mức kỹ năng từ trung bình trở lên, tỉ lệ sinh viên đạt khá trở lên ở kỹ năng thực hiện thủ thuật thông thường đạt 98%, kỹ năng tự học lâm sàng đạt tỉ lệ khá trở lên thấp nhất với 72.9%. Các phương pháp đánh giá được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau và có tới 75.4% SV không hài lòng với phương pháp đánh giá lâm sàng bằng câu hỏi lý thuyết mang tính nhớ lại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Phạm Thị Minh Đức, Đinh Hữu Dung và cộng sự.** Phương pháp dạy-học tích cực. Hà Nội: Nhà xuất bản y học. 2011; 19-23.
- 2. Bộ Y tế (2019).** Thông tư số 11/2019/TT – BYT. Quy định về bồi dưỡng phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối Ngành sức khỏe.
- 3. Phạm Văn Thức, Nguyễn Ngọc Sáng, Nguyễn Thị Dung và cộng sự.** Phương pháp dạy-học lâm sàng. Hà Nội: Nhà xuất bản y học. 2012; 9-10.
- 4. Phạm Thị Hạnh.** Thực trạng dạy - học lâm sàng tại Trường Đại học y dược Hải Phòng và kết quả áp dụng thử nghiệm một số biện pháp can thiệp. Luận án Tiến sĩ Y tế công cộng. Đại học Y dược Hải Phòng. 2018.
- 5. Ngô Trí Hiệp.** Thực trạng dạy - học lâm sàng môn truyền nhiễm và hiệu quả can thiệp bằng sử dụng bệnh án điện tử tại đại học Y khoa Vinh. Luận án Tiến sĩ Y tế công cộng. Đại học Y Hà Nội. 2020.
- 6. Trần Thị Thanh Hương, Lê Thu Hoà, Nguyễn Thu Thuý, Phạm Thị Minh Đức (2002).** Nghiên cứu thực trạng phương pháp dạy học kiến thức tại trường Đại học Y Hà Nội. Tạp chí Nghiên cứu Y học, 20, 63-69.
- 7. Heidi L.L, Stephen E.D (2006):** First-year medical students prefer multiple learning styles. Advances in Physiology Education, 30, 13-16.
- 8. Nguyễn Thị Anh Thư.** Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành về kỹ năng giao tiếp với người bệnh của sinh viên điều dưỡng trường Đại học Y Hải Phòng. Luận văn thạc sĩ Điều dưỡng. Trường Đại học Y Hải Phòng. 2010.
- 9. Nguyễn Thị Quỳnh Nga (2017).** Thực trạng dạy học lâm sàng ở Đại học Y khoa Vinh. Tạp chí Giáo dục, đặc biệt, 263-266.